

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 408/QBVR-BĐH

Điện Biên, ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v chỉnh sửa quyết định sáp nhập, đổi tên, bản
đồ giao đất, giao rừng để thực hiện chính sách
chi trả DVMTR

Kính gửi: UBND huyện Tuần Giáo.

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND, ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sáp nhập, đổi tên các thôn, bản, đội, tổ dân phố thuộc các huyện: Tuần Giáo, Tủa Chùa, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Nhé và Điện Biên.

Căn cứ công văn số 2299/SNN-QBVR, ngày 04/11/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng(DVMTR).

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đã cử nhân viên kỹ thuật phụ trách địa bàn tiến hành kiểm tra, đối chiếu diện tích rừng đủ điều kiện chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng. Qua rà soát, kiểm tra bản đồ với các Quyết định giao đất, giao rừng cho các chủ rừng trên địa bàn các xã, thị trấn, kết quả kiểm tra còn tồn tại như sau:

Sai khác thông tin tên chủ rừng, tiểu khu, khoảnh, lô, diện tích, trạng thái rừng giữa quyết định giao đất, giao rừng với bản đồ giao đất, giao rừng; các chủ rừng sáp nhập đổi tên; bản đồ giao đất, giao rừng không có xác nhận của UBND huyện, xã, phòng Tài nguyên Môi trường, đại diện chủ rừng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Để có cơ sở tạm ứng, thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2020 và các năm tiếp theo cho các chủ rừng trên địa bàn huyện theo quy định. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đề nghị UBND huyện kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa những sai khác trên gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, tổ dân phố 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trước ngày 25/11/2020 (liên hệ đ/c Nguyễn Huy Bình, SĐT: 0989.991.577).

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo xem xét, chỉ đạo./. *✍*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng QLQBVR&PTR;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Giám đốc Quỹ;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, địa chỉ: <http://fpdf.dienbien.gov.vn>
- Lưu: VT, KH-KT. *✍*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
QUỸ
BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
Trần Xuân Tâm

BIỂU TỔNG HỢP CÁC LÔ RỪNG TRỪNG LẬP
Huyện: Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo công văn số 408/QBVR-BĐH ngày 11/11/2020 của Ủy Ban vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

STT	Tên chủ rừng	QĐ giao rừng				Bản đồ				Ghi chú
		Lô	Khoảnh	Tiểu khu		Khoảnh	Tiểu khu	Diện tích (ha)		
I	Xã Quài Nưa							6,145		
1	CD bản Cọ, Lọng Lưom, lọng Hồng	6	8	609		6	609	2,111		Trùng nhau tiểu khu, khoảnh, lô với CD bản Giảng
2	CD bản Giảng	6	8	609		6	609	4,034		Trùng nhau tiểu khu, khoảnh, lô với CD bản Cọ, Lọng Lưom, lọng Hồng
II	Xã Mường Mùn							37,206		
1	CD bản Hòm	1	7	601		1	601	10,7990		Trùng nhau tiểu khu, khoảnh, lô với CD bản Gia Bọp
2	CD bản Gia Bọp	1	7	601		1	601	31,2820		Trùng nhau tiểu khu, khoảnh, lô với CD bản Hòm
3	CD bản Hốc	1	7	590		1	590	37,206		Trùng với lô giao bản Pú Xi 1, xã Pú Xi
III	Xã Pú Xi							4,818		
1	CD bản Pú Xi 1	1	7	590		1	590	4,818		Trùng với lô giao bản hốc, xã Mường Mùn
IV	Xã Mường Khong									
1	CD bản Pom Khoang	4	12	619B		4	619B	9,854		Trùng với lô giao Lò Văn Thế, xã Nà Sáy
V	Xã Nà Sáy							1,131		
1	Lò Văn Thế	4	12	619B		4	619B	1,131		Trùng với lô rừng giao cho bản Pom Khoang, Mường Khong
VI	TT. Tuần Giáo							1,540		
1	Bạc Cẩm Ún	75	7	626		75	626	0,550		Trùng nhau tiểu khu, khoảnh, lô với Bạc Cẩm Ún
2	Bạc Cẩm Thông	75	7	626		75	626	0,990		Trùng nhau tiểu khu, khoảnh, lô với Bạc Cẩm Ún

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG SAI KHÁC GIỮA QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT GIAO RỪNG VỚI BẢN ĐỒ GIAO ĐẤT GIAO RỪNG

Huyện: Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo công văn số 408/QBVR-BĐH ngày 16/11/2020 của Ủy Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

STT	Tên chủ rừng	Bản đồ giao đất giao rừng				Quyết định giao đất giao rừng				Ghi chú
I	Xã Pú Nhung	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Diện tích (ha)	Khoảnh	Tiểu khu	Diện tích (ha)		
1	Cộng đồng bản đề chia A, B, C. xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo	8	14		21,437	8	14	595	21,439	Bản đồ không có nhân tiểu khu 595, diện tích không khớp nhau
II	Xã Nà Tông									
2	Cộng đồng bản Co Muông, xã Nà Tông, huyện Tuần Giáo					190,068			161,285	Biểu tổng hợp diện tích trong Quyết định ghi sai tổng diện tích rừng
3	Cộng đồng bản Nong Tông, xã Nà Tông, huyện Tuần Giáo					89,579			58,755	Biểu tổng hợp diện tích trong Quyết định ghi sai tổng diện tích rừng
4	Cộng đồng bản Nà Tông, xã Nà Tông, huyện Tuần Giáo									UBND huyện chưa đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
5	Cộng đồng bản Co Phát, xã Nà Tông, huyện Tuần Giáo									UBND xã chưa đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
6	Cộng đồng bản Pá Tong, xã Nà Tông, huyện Tuần Giáo									Phòng TN&MT chưa ký và đóng dấu vào tờ bản đồ đã tẩy xóa chỉnh sửa diện tích (11.3.IIa và 11.2.IIa)
III	Xã Mường Khong									Phòng TN&MT, UBND huyện chưa ký và đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
7	Cộng đồng dân cư bản Huổi Nôm, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo									Bản đồ không có nhân tiểu khu 619B, lô khoảnh không khớp nhau.
8	Cộng đồng dân cư bản Khong Tò, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	2	12		10,465	3	4	619B	10,465	Bản đồ không có nhân tiểu khu 619B, lô khoảnh không khớp nhau.
		1	12		5,289	1	4	619B	5,289	Bản đồ không có nhân tiểu khu 619B, lô khoảnh không khớp nhau.
9	Lò Văn Ế, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	4	4		0,73	1	12	262	0,73	Bản đồ không có nhân tiểu khu 262, lô khoảnh không khớp nhau
10	Lường Văn Quán, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	4	7		1,676	2	4	619B	1,676	Bản đồ không có nhân tiểu khu 619B, lô, khoảnh không khớp nhau
11	Cả Văn Khỏe, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	3	7		2,486	4	4	619B	2,486	Bảng kê trong quyết định ghi Lường Văn Quán 619B.4.2 diện tích 1,674 ha, lô, khoảnh không khớp nhau

STT	Tên chủ rừng	Bản đồ giao đất giao rừng				Quyết định giao đất giao rừng				Ghi chú
12	Cộng đồng bản Hua Sái, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo									Phòng TN&MT, UBND huyện chưa ký và đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
13	Cà Văn Cười, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	1	4			2,552	4	626	2,552	Bản đồ không có nhân tiêu khu 626, lô, khoảnh không khớp nhau
14	Cà Văn Huổi, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	2	4			0,54	12	626	0,54	Bản đồ không có nhân tiêu khu 626
15	Cộng đồng bản Pom Khoang, bản Pom Khoang, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo.	3	4			2,941	7	626	2,941	Bản đồ không có nhân tiêu khu 626, lô, khoảnh không khớp nhau
IV	Xã Tênh Phông	5	12			9,854	4	12 619B	9,854	Bản đồ không có nhân tiêu khu 619B, lô, khoảnh không khớp nhau
16	Giảng Khu Trố, bản Ten Hon, xã Tênh Phông, Huyện Tuần Giáo.	4	12			5,941	5	12 619B	5,941	Bản đồ không có nhân tiêu khu 619B, lô, khoảnh không khớp nhau
V	Xã Quài Tở									
17	Lò Văn Tiến, bản Có, xã Quài Tở,	11	10			0,338	11	10 647C	0,337	Bản đồ không có nhân tiêu khu 647C
18	Tòng Văn Tiến, bản Có, xã Quài Tở,									
19	Cộng đồng dân cư bản Biếng, xã Quài Tở, Huyện Tuần Giáo.	3	3			0,656	1	3	0,478	Bản đồ không có nhân tiêu khu 646, lô, khoảnh, diện tích không khớp nhau,
		7	2			0,769	10	2	1,354	Bản đồ không có nhân tiêu khu 646, lô, khoảnh không khớp nhau
		20	2			0,552	20	1	0,552	Bản đồ không có nhân tiêu khu 640, lô, khoảnh không khớp nhau
VI	Xã Tỏa Tinh	21	2			0,464	21	1	0,464	Bản đồ không có nhân tiêu khu 640, lô, khoảnh không khớp nhau
20	Mùa Pá Chia, bản Hua Sa A, xã Tỏa Tinh, Huyện Tuần Giáo.									
21	Mùa A Túng, bản Lồng, xã Tỏa Tinh, Huyện Tuần Giáo.	29	14			0,634	29	14	0,732	Bản đồ không có nhân tiêu khu 618
		18	14			0,732	21	14	0,634	Bản đồ không có nhân tiêu khu 618, lô, khoảnh không khớp nhau
										Phòng TN&MT chưa ký và đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng

STT	Tên chủ rừng	Bản đồ giao đất giao rừng				Quyết định giao đất giao rừng				Ghi chú
22	Mùa A Dãy, bản Lông, xã Tà Tình, Huyện Tuần Giáo.									UBND chưa ký và đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
23	Cộng đồng dân cư bản Lông, xã Tà Tình, Huyện Tuần Giáo.	0	0				12	618	6,275	Bản đồ không thể hiện tiểu khu 618.12.2.IIa diện tích 6,275ha
24	Cộng đồng dân cư bản Tà Tình, xã Tà Tình, Huyện Tuần Giáo.	2b	2				2	610	3,461	Bản đồ không có nhân tiểu khu 610
VII	Thị Trấn									
25	Cả văn Niên, bản Lập, TT Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo.	51	5		0,818	51	5	626	0,818	Bản đồ không có nhân tiểu khu 626
26	Cả Văn Phiên, bản Lập, TT Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo.	40	5		0,896	40	5	626	0,896	Bản đồ không có nhân tiểu khu 626
27	Lò Văn Thám, bản Nong, TT Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo.	23	3		0,63	23	3	626	0,63	Bản đồ không có nhân tiểu khu 626, tẩy xóa trạng thái, phòng TN&MT chưa ký và đóng dấu
28	Lường Thị Hươi, bản Tấu, TT Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo.	29	3		0,514	29	3	626	0,514	Bản đồ không có nhân tiểu khu 626, tẩy xóa trạng thái
VIII	Xã Tà Ma									
29	Cộng đồng bản Thờ Tỷ, xã Tà Ma, huyện Tuần Giáo	2	17		2,42					Quyết định không có khoảng 17.2.IIb diện tích 2,42ha
30	Cộng đồng bản Thờ Tỷ, bản Thờ Tỷ, xã Tà Ma, huyện Tuần Giáo	2	17		2,42					Quyết định không có khoảng 2, lô 7, diện tích 2,42ha
31	Cộng đồng bản Phình Cú, bản Phình Cú, xã Tà Ma, huyện Tuần Giáo	1	16		7,65	1	16	588	7,56	Bản đồ không có nhân tiểu khu 588
32	Cộng đồng dân cư bản Kề Cài, bản Kề Cài, xã Tà Ma, huyện Tuần Giáo	3	10		24,05	3	11	603	24,05	Bản đồ không có nhân tiểu khu 603
IX	Xã Mường Mùn									
33	Đoàn Văn Biên bản Hồng phong xã Mường Mùn huyện Tuần Giáo	5	2	591	0,56	5	2	591	0,56	Bản đồ tên Nguyễn Thị Duyên. Quyết định tên Đoàn Văn Biên

STT	Tên chủ rừng	Bản đồ giao đất giao rừng				Quyết định giao đất giao rừng				Ghi chú
X	Xã Chiềng Snh									
34	Hoàng Phó Tâm xã Chiềng Sinh huyện Tuần Giáo									UBND huyện chưa ký và đóng dấu tiểu khu 638 khoảng 1 lô 15
35	CD bán Hiệu 1,2 xã Chiềng Sinh huyện Tuần Giáo	3	2	637	3,386		2	637	3,386	Bản đồ không có tên chủ rừng
36	CD bán Ly Xóm xã Chiềng Sinh huyện Tuần Giáo									Thiếu tên khoảng 4
37	CD bán Ta Con xã Chiềng Sinh huyện Tuần Giáo									UBND xã chưa ký và đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
XI	Xã Phình Sáng									
38	Cộng đồng dân cư bản Nậm Dìn, bản Nậm Dìn, xã Phình sáng						2	15	580	Bản đồ không thể hiện tiểu khu 580.15.2 diện tích 4,128ha
XII	Xã Mường Thín									
39	Cộng đồng bản Đông Cao, bản Đông Cao, xã Mường Thín	1	10		44,132		1	608	38,816	Bản đồ không có nhân tiểu khu 608
XIII	Xã Pú Xi									
40	Cộng đồng dân cư bản Thẩm Táng, bản Thẩm Táng, xã Pú Xi, Huyện Tuần Giáo									Phòng TN&MT chưa ký và đóng dấu bản đồ giao đất giao rừng
XIV	Xã Quài Cang									
41	Cộng đồng bản Sái Trong, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	1	12		18,098		1	12	18,098	Quyết định. điều 1 nghị tổng diện tích là 26,171ha, bản kê nghị tổng diện tích là 27,28ha
							2	12	1,109	
							14	11	8,073	
42	Cộng đồng bản Phung, bản Phú, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	4	8		36,692					Quyết định không có tiểu khu 616 khoảng 8 lô 4 diện tích 36,692ha
43	Quảng Văn Phong, bản Hín, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	28	1		0,906		30	617	0,581	Bản đồ không có nhân tiểu khu

**BIỂU TỔNG HỢP NHỮNG CHỦ RỪNG SÁP NHẬP, ĐỔI TÊN THEO QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019
CỦA UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Huyện: Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo công văn số 408 /QBVR-BĐH ngày 16/11/2020 của Ủy Ban Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
I	Xã Mùn Chung	248,5400	248,5400	
1	Cộng đồng 2 bản Chiềng Ban và Co En	78,871	78,871	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
2	Cộng đồng 2 bản Phiềng Pén và Co Kham	169,669	169,669	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
II	Xã Mường Mùn	1.292,8680	1.292,8680	
3	Cộng đồng bản Hốc	175,774	175,774	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
4	Cộng đồng bản Hóm	825,923	825,923	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
5	Cộng đồng 2 bản Huổi Lốt 1; 2	52,914	52,914	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
6	Cộng đồng bản Mường 1	86,519	86,519	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
7	Cộng đồng 3 bản Mường 2; 3; 4	116,07	116,07	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
8	Cộng đồng bản Xuân Tươi	35,668	35,668	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
III	Xã Mường Thín	527,3200	527,3200	
9	Cộng đồng bản Đông Thấp	382,2420	382,2420	Dại diện chủ rừng không ký biên bản kiểm tra thực địa. UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
10	Cộng đồng bản Đông Cao	95,5840	95,5840	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
11	Cộng đồng bản Liếng	49,4940	49,4940	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số: 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
IV	Xã Nà Tông	107,5360	107,5360	



12	Cộng đồng bản Nặm Bay	68,7380	68,7380	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
13	Cộng đồng bản Pá Cá	38,7980	38,7980	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
V	Xã Pú Nhung	1.209,0110	1.209,0110	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
14	Cộng đồng bản Dê Chia A, B, C	823,372	823,372	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
15	Cộng đồng bản Phiêng Pi A, B	385,639	385,639	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
VI	Xã Pú Xi	404,1990	404,1990	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
16	Cộng đồng bản Hủa Mứ 1	107,374	107,374	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
17	Cộng đồng bản Hủa Mứ 2	86,942	86,9420	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
18	Cộng đồng bản Hủa Mứ 3	30,319	30,3190	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
19	Cộng đồng bản Pú Xi 1	179,564	179,5640	Lô giao bản Pú Xi 1, xã Pú Xi và CD bản Hốc xã mừng Mùn trùng tiêu khu 590 khoảng 7 lô 1
VII	Xã Quải Nưa	942,9500	936,4744	

20	CD bản Nong Giảng	6,172	6,1720	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
21	CD 3 bản Cọ, Lọng Hồng và L	285,767	284,5199	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
22	CD bản Chá	24,596	24,5960	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
23	CD bản Cù 1, Cù 2	26,194	23,6770	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
24	CD bản Lọng Trạng	34,005	34,0050	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
25	CD 4 bản Mừng Chấn, Chấn,	354,581	353,1169	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
26	CD bản Quang Vinh	18,735	18,1523	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
27	CD bản Co Sáng	56,902	56,9020	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
28	CD Bản Co Muồng	66,945	66,9450	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

29	CD bản Nong Giảng + bản Bó	38,029	38,0290	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
30	CD bản Giảng	31,024	30,359	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
VIII	Xã Rạng Đông	167,9990	167,9990	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
31	Cộng đồng bản Nậm Mu	120,5020	120,5020	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
32	Cộng đồng bản Món	47,4970	47,4970	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
IX	Xã Ta Ma	326,6760	326,6760	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
33	Cộng đồng bản Phình Cừ	257,1160	257,1160	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
34	Cộng đồng bản Phiêng Cãi	69,5600	69,5600	UBND huyện chưa điều chỉnh tên bản theo QĐ số:1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
Tổng (34CD)		5.227,0990	5.220,6234	

đ